

Số: 47 /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Công văn số 3402/ĐCKS-KSMB ngày 07/12/2016 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, về việc báo cáo công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản năm 2016; UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2016, cụ thể như sau:

I. Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản.

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản.

a) Các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành:

- Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2016.

- Phối hợp với UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy chế phối hợp công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng.

- Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác cát, UBND tỉnh đã giao UBND các huyện triển khai thực hiện cấm mốc khu vực cấm khai thác cát trên các đoạn sông sạt lở và có nguy cơ sạt lở. Tổ chức ký cam kết với 18 đơn vị hoạt động khai thác cát, chỉ được khai thác, vận chuyển cát trên sông bắt đầu từ 6 giờ sáng và kết thúc vào lúc 18 giờ hằng ngày, không được khai thác, vận chuyển cát vào ban đêm.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản: Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục phổ biến chính sách pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan luôn được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Trong năm 2016, giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các huyện phổ biến pháp luật về khoáng sản cho cán bộ cấp xã.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản:

Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 23/9/2014. Đến nay Quy hoạch chưa phải điều chỉnh, còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Công tác khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã

được UBND tỉnh giao Sở Công Thương làm chủ đầu tư, hiện đang được triển khai thực hiện.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản.

a) Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Trên cơ sở quy hoạch thăm dò khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 với 11 khu vực thuộc kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2016. Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh trong năm qua còn hạn chế nên chưa thực hiện được việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2016 và chuyển sang kế hoạch đấu giá trong năm 2017 theo quy định.

b) Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

- Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản; Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành;

- Năm 2016, UBND tỉnh cấp 02 giấy phép thăm dò đá làm VLXDĐT; 15 giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXDĐT (gồm 12 giấy phép khai thác đá và 03 giấy phép khai thác cát); gia hạn 02 giấy phép khai thác cát; cho phép chuyển nhượng 01 giấy phép khai thác cát; điều chỉnh diện tích và công suất đôi với 03 giấy phép khai thác đá. Phê duyệt trữ lượng 09 báo cáo kết quả thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng quy định của pháp luật.

c) Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Trong năm 2016, UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho 17 đơn vị khai thác khoáng sản trong đó có 14 đơn vị khai thác đá, 03 đơn vị khai thác cát với tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt là 47.670.658.000 đồng và số tiền phải nộp trong năm 2016 là 5.325.428 đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động khai thác khoáng sản đã được tăng cường. Trong năm 2016, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra đối với 40 đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó có 25 đơn vị khai thác đá và 15 đơn vị khai thác cát. Qua công tác kiểm tra đã đôn đốc hướng dẫn các đơn vị chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và môi trường, đồng thời phối hợp với Đoàn thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đối với các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản. Trong năm 2016, đã tiến hành lập biên

bản xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 335 triệu đồng. Ngoài ra còn tiến hành nhiều đợt kiểm tra tình hình quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn các huyện, đặc biệt là về công tác quản lý khai thác cát lòng sông và sét sản xuất gạch ngói.

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

Các lực lượng chức năng của tỉnh cơ bản đã giải tỏa các "điểm nóng" về khai thác khoáng sản trái phép. Đặc biệt trong năm vừa qua, tình trạng khai thác khoáng sản đá granit trái phép vẫn còn diễn ra trên địa bàn huyện Krông Bông. Tuy nhiên, UBND tỉnh đã chỉ đạo kịp thời các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương kiểm tra, xử lý và giải tỏa hoạt động khai thác đá granit trái phép, đồng thời UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính việc lợi dụng hoạt động thăm dò để khai thác đá granit, với số tiền 320.000.000 đồng.

6. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại.

Nhìn chung, việc khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đều thuộc quy mô nhỏ và vừa, trong số các loại khoáng sản đã phát hiện, mới có 5 loại khoáng sản được đầu tư khai thác, nhưng tập trung chủ yếu là khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường như đá xây dựng, sét gạch ngói, cát xây dựng và than bùn. Những khoáng sản có giá trị kinh tế cao như vàng, đá ốp lát... chưa được đầu tư khai thác, đang trong quá trình nghiên cứu đầu tư. Hiện tại trên địa bàn tỉnh đã có 01 mỏ fenspat được đầu tư thăm dò đánh giá trữ lượng và đang lập đề án khai thác, 02 mỏ đá ốp lát đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng cho 02 tổ chức, hiện đang lập dự án đầu tư để được cấp phép khai thác, 01 giấy phép thăm dò đá granit được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đang triển khai hoạt động thăm dò.

- Thuận lợi: Các mỏ khoáng sản đã và đang khai thác trên địa bàn tỉnh hiện tại chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác bằng phương pháp lộ thiên, dễ khai thác, dễ sử dụng, xa khu vực dân cư nên ảnh hưởng đến môi trường không lớn. Sản phẩm sau khai thác được chế biến và sử dụng chủ yếu tại chỗ, chi phí đầu tư không lớn, công nghệ và trang thiết bị phục vụ khai thác đơn giản, dễ thực hiện, khả năng thu hồi vốn nhanh.

- Khó khăn tồn tại: Việc điều tra, khảo sát lập bản đồ địa chất khoáng sản trên địa bàn tỉnh ở tỷ lệ lớn chưa được đầu tư thực hiện trên diện rộng. Công tác thăm dò khoáng sản chưa nhiều, nhiều loại khoáng sản trên địa bàn chưa đánh giá được quy mô và triển vọng, thông tin về khoáng sản còn sơ lược, do vậy việc quản lý gặp không ít khó khăn, đây là hạn chế không nhỏ cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và đầu tư phát triển ngành công nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh.

II. Tình hình hoạt động khoáng sản.

1. Công tác thăm dò đánh giá khoáng sản:

Trên địa bàn tỉnh hiện nay công tác thăm dò đánh giá trữ lượng, chất lượng khoáng sản chưa được đầu tư đúng mức, chủ yếu từ nguồn vốn của các Doanh nghiệp đầu tư thăm dò tại các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để được cấp giấy phép khai thác ở quy mô vừa và nhỏ theo đúng

quy định của Luật khoáng sản. Năm 2016, UBND tỉnh đã cấp 02 giấy phép thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường, phê duyệt trữ lượng 09 báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Có bảng tổng hợp số liệu kèm theo).

2. Công tác khai thác khoáng sản:

- Trong năm 2016, UBND tỉnh cấp 15 giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Trong đó, 12 giấy phép khai thác đá làm VLXDĐT và 03 giấy phép khai thác cát lòng sông.

- Gia hạn 02 giấy phép khai thác cát lòng sông và cho phép chuyển nhượng 01 giấy phép khai thác cát lòng sông.

- Tính đến ngày 31/12/2016 trên địa bàn tỉnh có 67 giấy phép khai thác khoáng sản do UBND tỉnh cấp còn hiệu lực, trong đó có 46 giấy phép khai thác đá làm VLXDĐT có sử dụng vật liệu nổ, 02 giấy phép khai thác sét sản xuất gạch, 19 giấy phép khai thác cát xây dựng lòng sông (có bảng tổng hợp số liệu kèm theo). Các mỏ được cấp phép khai thác đều có quy mô nhỏ và vừa, loại khoáng sản chính là đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường, cát xây dựng, sét sản xuất gạch. Sản phẩm từ khai thác mỏ chủ yếu phục vụ cho nhu cầu xây dựng tại địa phương. Nhìn chung sản lượng khai thác cũng như doanh thu của các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản trong kỳ báo cáo chỉ đạt khoảng 60% -70% công suất và chỉ tiêu kế hoạch năm.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính năm 2016 của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Tổng số tiền đã thực hiện: 33.245.631.000 đồng.

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: 15.481.513.000 đồng.

- Phí bảo vệ môi trường: 4.883.455.000 đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 12.880.655.000 đồng

Tổng số tiền đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã thực hiện: 6.576.522.000 đồng.

III. Tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng nơi khai thác khoáng sản.

Thời gian qua, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và sự vào cuộc tích cực của các cấp chính quyền, nên công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả.

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản được các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nghiêm túc thực hiện, không để xảy ra tình trạng khiếu nại của người dân nơi có mỏ đang khai thác. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít đơn vị đã được cấp giấy phép khai thác, nhưng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng triển khai còn chậm.

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm:

Các tổ chức hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các Công

ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân. Với hơn 50 tổ chức hoạt động khoáng sản đã góp phần giải quyết việc làm cho gần 1.000 lao động, với thu nhập bình quân 50.000.000 đồng/người/năm góp phần nâng cao đời sống của người dân trong khu vực.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

Hỗ trợ cho địa phương nơi có khoáng sản khai thác xây dựng đường giao thông nông thôn, hỗ trợ xây dựng trường học và các công trình công cộng khác.

4. Công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp ngày càng được quan tâm hơn, góp phần ngăn chặn, xử lý ô nhiễm và giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động khai thác khoáng sản. Chất lượng lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được nâng cao; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được các đơn vị khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm túc.

IV. Kiến nghị:

- Theo quy định tại Khoản 2, Điều 82 của Luật khoáng sản, thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố; theo quy định của Điều 64 của Luật khoáng sản 2010, đá granit làm ốp lát, đá cây không thuộc nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Nếu có những mỏ nhỏ nhưng Bộ Tài nguyên và Môi trường không khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ thì UBND tỉnh không được cấp phép. Tuy nhiên hiện nay thủ tục cấp phép thăm dò đá granit còn phức tạp, mất nhiều thời gian nên loại hình khoáng sản này hiện nay trên địa bàn tỉnh không thu hút được nhiều nhà đầu tư, không có nguồn nguyên liệu để cung cấp, phục vụ xây tại địa phương nhất là các công trình công cộng cũng là một bất cập. Đề nghị phân cấp cho UBND tỉnh cấp phép đối với loại hình vật liệu này.

- Theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, sau khi kết thúc khai thác phải lập đề án đóng cửa mỏ trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, mới tiến hành tổ chức thực hiện các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Sau đó được các cơ quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, mới ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản. Vì vậy, quy định nội dung thủ tục phê duyệt, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản về thủ tục đang còn rườm rà, phức tạp. Trước khi cấp phép khai thác đã có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, nếu sau khi khai thác xong không thay đổi so với phương án cải tạo thì thành lập hội đồng kiểm tra cụ thể tại thực địa sau đó trình cơ quan có thẩm quyền cho phép đóng cửa mỏ, thu hồi đất giao cho địa phương quản lý là phù hợp với tình hình thực tế.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hàng năm ưu tiên bố trí nguồn vốn cho công tác đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1/50.000 và các tỷ lệ lớn hơn, nhằm đánh giá đầy đủ về chất lượng, số lượng những khoáng sản có triển vọng phục vụ công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản và làm cơ sở để thu hút đầu tư của các Doanh nghiệp về khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trên đây là báo cáo về Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- CT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, NNMT. 9

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knong

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Báo cáo số *47*.../BC-UBND ngày *02* tháng *9* năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Diện tích (ha)
I. Giấy phép Bộ cấp						
1	1638/GP-UBND	21/7/2006	Đá Granit	Công ty cổ phần Dầu tự phát triển Hoàng Sơn Đắk Lắk	Chư Phốt 1, xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo	70,4
II. Giấy phép tỉnh cấp						
1	06/GP-UBND	02/02/2016	Đá XD	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ama H'Lin	buôn Krang, xã Dur Kmäl, huyện Krông Ana	8
2	20/GP-UBND	31/3/2016	Đá XD	Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ 26	thôn 16, xã Krông Buk, huyện Krông Păk	12,3

**BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP TỈNH CẤP**

(Kèm theo Báo cáo số ...*AT*.../BC-UBND ngày ..*02* tháng *3* năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Số quyết định phê duyệt	Ngày phê duyệt	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt (m3)		Ghi chú
						Cấp 121	Cấp 122	
1	360/QĐ-UBND	02/02/2016	Đá XD	5,00	xã Ia Jloi, huyện Ea Súp	1.041.523		
2	836/QĐ-UBND	31/3/2016	Đá XD	5,0	khoảnh 6, tiểu khu 209, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp	1.185.080		
3	1438/QĐ-UBND	23/5/2016	Đá XD	15	xã Hòa Phú, TP.BMT	1.412.945	997.324	
4	1457/QĐ-UBND	24/5/2016	Đá XD	3,5	xã Cư Mlan, huyện Ea Súp	451.794		
5	1498/QĐ-UBND	30/5/2016	Đá XD	10	Thôn 16, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc	1.449.089		
6	2294/QĐ-UBND	08/02/2016	Đá XD	20	buôn Mlang, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	848.121		
7	2603/QĐ-UBND	09/06/2016	Đá XD	8,00	buôn Krang, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana	528.189		-
8	2804/QĐ-UBND	23/9/2016	Đá XD	12,3	Thôn 16, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc	1.926.820		
9	2988/QĐ-UBND	10/11/2016	Đá XD	4,00	thôn 2A, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo	492.779		

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Số TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
1	1023/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH TV 507 CN Tây Nguyên	Xã Cư Êbur, phường Thành Nhất, TP. BMT	16,7	1.500.000	50.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	30/5/2000							
2	37/GP-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường		Buôn DH'ăm, xã Đăk Nuê, huyện Lắk	3,00	40.000	40.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	12/01/2014							
3	160/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty QLSC Đường bộ đaklak	Thôn 11, Xã Hòa Phú, TP. Buôn ma thuật	9,96	878.486	38.680	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	21/01/2009							
4	3595/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường		Thị trấn Ea Drăng, huyện EaHleo	10,06	1.228.000	49.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	24/12/2008							
5	2311/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH XD Hoàng Vũ	Khu IIB, mỏ D2, xã Hòa Phú, TP Buôn Ma Thuật	8,00	1.313.292	49.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	09/10/2010							
6	2479/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH XD 470	Khu IIA, mỏ D2, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuật	15,0	1.463.087	49.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	27/09/2010							
7	3284/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	C ty TNHH XD Phú Xuân	Khu IIC, mỏ D2 xã Hòa Phú, TP. BMT	8,6	1.069.000	49.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	21/12/2010							
8	1546/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty cổ phần Kim Thịnh	Khu III D2, xã Hòa Phú, TP Buôn Ma Thuật	15,33	1.470.000	49.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	24/06/2011							
9	1308/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Thạch Anh	Thôn 5, xã Hòa Phú, TP Buôn Ma Thuật	18,20	1.640.331	49.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	26/05/2011							

Số TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
10	1823/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty CPĐTPT Hoàng Sơn Đak Lak	Thôn 3, xã Cư Mlan, huyện Ea Sup	10,26	2.386.360	200.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	25/07/2011							
11	1441/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH XD Thanh Tuấn	Thôn 8, xã Ea Mngang, huyện Cư M'gar	6,16	352.500	35.250	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	05/7/2012							
12	3281/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH An Nguyên	EaTul, xã EaKpam, huyện Cư M'gar	10,28	1.260.000	45.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	21/12/2010							
13	2183/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường		Buôn Cháy, xã Ea MDroh, huyện Cư M'gar	20,00	1.837.252	62.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	25/08/2011							
14	280/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Xí Nghiệp Việt Hà	Ea Mlang, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	12,80	1.014.510	45.500	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	03/02/2003							
15	263/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Thạch Nguyên An	Eakil, Buôn Dlung 2, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	10,28	974.746	45.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	25/01/2011							
16	461/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Cty TNHH XD CD Trí Đức	Sông Krông Păk, xã Vũ Bồn, huyện Krông Păk	19,70	194.452	20.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	02/10/2010							
17	1493/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Thuận Hiếu	Thôn 14, xã Krông Buk, huyện Krông Păk	7,30	865.198	49.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	20/06/2011							
18	1555/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Ngọc Vy	Ea Uy, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk	7,23	460.959	31.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	24/06/2011							

Số TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
19	3088/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Cty Cổ phần VLXD Tây Nguyên	Sông Krông Ana, xã Đak Liêng, huyện Lắk	14,5 km	915.024	47.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	11/04/2009							
20	1246/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Cty Cổ phần VLXD Tây Nguyên	Sông Krông Ana, huyện Krông Bông	27km	1.373.648	59.724	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	26/05/2008							
21	3823/QĐ-UBND	Cát xây dựng	DNTN Sông Núi	Sông Krông Ana, xã Quảng Điền, huyện Krông Ana	16km	660.753	36.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	28/12/2009							
22	1685/QĐ-UBND	Sét sản xuất gạch, ngói	Cty TNHH SX Gạch Việt Tân	Buôn Mlót, xã Ea Bông, huyện Krông Ana	51	900.000	30.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	07/02/2009							
23	2313/QĐ-UBND	Cát xây dựng	HTX SXVLXD Phúc Lợi	Sông Krông Nô, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana	23,07	260.211	20.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	27/8/2015							
24	2440/QĐ-UBND	Cát xây dựng	DNTN Minh Lợi	Sông Krông Ana, xã Bình Hòa, Quảng Điền, huyện Krông Ana	4.3km	537.073	30.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	09/09/2015							
25	2087/QĐ-UBND	Cát xây dựng	HTX Đoàn Kết	Sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana	8.7km	275.586	30.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	08/11/2015							
26	2082/QĐ-UBND	Cát xây dựng	DNTN Trung Thiện	Sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana	4.3km	275.586	30.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	08/11/2015							
27	837/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH DVTM Tân Thành Đạt	Khối 5, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea Hleo	10,10	1.946.941	90.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	04/01/2011							
28	991/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Công ty TNHH khai thác cát Đoàn Kết	Sông Krông Păk, xã Ea Ô, huyện Ea Kar	33,5	305.450	48.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	23/4/2015							

Số TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
29	2781/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Cty TNHH đầu tư xây dựng MJ	Sông Krông Păk, xã Cư Yang, Cư Bông, huyện Ea Kar	6,36	22.500	9.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	16/10/2015							
30	1729/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH tập đoàn Sơn Hải	Thôn 8, xã Cư Yang, huyện Ea Kar	2,00	407.680	47.640	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	14/07/2010							
31	1446/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty CP Đức Anh	Thôn Hợp Thành, xã Cư Huê, huyện Ea Kar	6,50	650.000,0	65.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	07/05/2012							
32	2410/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Đông Sơn Đắk Lắk	Thôn 15, xã Cư Yang, huyện Ea Kar	5,13	771.627	37.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	21/09/2010							
33	40/GP-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Bình Hòa	Buôn Ea Kung, xã Krông Buk, huyện Krông Păk	6,00	695.714	48.700	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	07/03/2015							
34	765/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Sanh Chiến	Buôn Cư Drao, xã Ea Lai, huyện M'Đrăk	5,00	588.380	49.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	25/03/2011							
35	3556/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Tuấn Nhân	Buôn Kmông, xã Ea Bôk, huyện Cư Kuin	15	1.063.000	49.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	23/12/2008							
36	3553/QĐ-UBND	Sét sản xuất gạch, ngói	Cty TNHH Bình Minh I	Thôn Giang Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin	24,7	468.700	24.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng, đang tạm dừng khai thác
	23/12/2008							
37	91/QĐ-UBND	Cát xây dựng	HTX khai thác cát Giang Sơn	Sông Krông Ana, xã Hoà Hiệp, huyện Cư Kuin	27,1	337.470	25.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng
	14/01/2011							

Số TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
38	2173/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Minh sáng	Buôn Kơ Êmông, xã Ea Bhok, huyện Cư Kuin	9,74	999.784	49.350	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	26/08/2010							
39	1248/QĐ-UBND	Cát xây dựng	DNTN Hưng Vũ	Sông Krông Ana, huyện Krông Bông	25km	1.796.778	47.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	26/05/2008							
40	3821/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Cty TNHH Phú Bình	Sông Krông Nô, xã Nam Kar, huyện Lắk	25	481.088	40.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	28/12/2009							
41	1589/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Cty TNHH Hà Bình	Sông Krông Păk, xã Vụ Bồn, huyện Krông Păk	88	160.000	40.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	25/6/2015							
42	3822/QĐ-UBND	Cát xây dựng	Cty TNHH Xuân Bình	Sông Krông Nô, xã Ea Rbin, huyện Lắk	69 (25km)	1.220.134	40.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	28/12/2009							
43	1008/QĐ-UBND	Đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Công ty CP QL& XD đường bộ 26	Buôn M'Rông A, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar	9,10	1.100.000	110.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	24/5/2013							
44	64/GP-UBND	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH MTV Văn Chương	Thôn 1, xã Cư Mốt, huyện Ea H'Leo	4,95	502.492	45.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	30/10/2015							
45	73/GP-UBND	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Minh Sáng	Buôn Niêng II, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	5,0	840.559	45.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	28/12/2015							
46	48/GP-UBND	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH XD&ĐT Thuận An	Thôn 2, xã Ia Rvê, huyện Ea Sup	5	753.323	35.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
	19/8/2015							

Số TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
47	47/GP-UBND 08/12/2015	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH XD Nam Hải	Thôn 8, xã Cư Êbur, TP. BMT	11,25	1.295.848	46.800	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
48	32/GP-UBND 06/04/2015	Cát xây dựng	Cty TNHH MTV Nguyên Ngọc	Tổ 3, Buôn Wiáo, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	10,70	68.654	10.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
49	15/GP-UBND 13/2/2015	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Công ty TNHH Khoáng sản Thiên An	Thôn 3, xã Ea Kao, TP. BMT	9,20	1.505.882	78.400	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
50	09/GP-UBND 30/1/2015	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Hùng Anh	Thôn 4, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk	3,66	415.772	46.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
51	53/GP-UBND 09/07/2015	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH XD&TM Phúc Thiện	Tiểu khu 550, 557, xã Ea Kiết, huyện Cư M'Gar	5,98	965.895	53.940	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
52	10/GP-UBND ngày 05/2/2016	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty cổ phần đầu tư và phát triển Nhật Quang	Thôn 4, xã Cư Êbur, TP.BMT	5,39	698.059	30.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
53	04/GP-UBND ngày 26/01/2016	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH XD Chính Thức	Buôn Pam, xã Ea Yông, huyện Krông Păc	2,93	418.762	35.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
54	26/GP-UBND ngày 22/4/2016	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Đức Tân Phong	thôn 6B, xã Ea Pal, huyện Ea Kar	3,89	679.901	48.700	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng
55	31/GP-UBND ngày 06/5/2016	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Cty TNHH Bình Hòa	Thôn 10, xã Ea Mdoal, huyện M'Đrăk	5,61	577.643	25.000	Mỏ đã thăm dò, phê duyet trữ lượng